TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1355/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-DS ngày 16/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh P, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 56 đường 565, tổ 8, ấp Xóm Mới, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 56 đường 565, tổ 8, ấp Xóm Mới, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 9 năm 2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Lê Thanh P trình bày: Sau khi ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2021, ông Lê Thanh P và bà Đặng Thị T tiếp tục tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 10/4/2021.

Quá trình chung sống lại tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, cách nuôi con, tính tình đôi bên ngày càng khác biệt, không hoà hợp được. Ông P xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông P được ly hôn với bà Đặng Thị T.

Về con chung: Các con chung tên Lê Ngọc B, sinh ngày: 25/01/2011 và Lê Đặng Thành P1, sinh ngày 19/6/2004 (đã trưởng thành) trong quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01/003 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2003, ông P không yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này; ông P thống nhất giữ nguyên việc giao chung tên Lê Ngọc B cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và vẫn cấp dưỡng nuôi con Ngọc B theo đúng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng đối với quan hệ hôn nhân được đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2021 cho đến nay đôi bên không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Nguyên đơn – ông Lê Thanh P có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Đặng Thị T không nộp bản khai trình bày ý kiến của mình nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 30 tháng 12 năm 2022 có nội dung: Bà T và ông P không thể hàn gắn tình cảm được, bà đồng ý ly hôn với ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Thanh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị T nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện đang cư trú tại số 56 đường 565 tổ 8, ấp Xóm Mới, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – ông Lê Thanh P đã có bản khai trình bày ý kiến của mình và nộp kèm theo các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện, đồng thời có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Đặng Thị T đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên hòa giải, bị đơn ký nhận trực tiếp nhưng bị đơn không cung cấp bản khai trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Ngày 30/12/2022, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Về sự tham gia của Viện kiểm sát: Tòa án không tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ nên vụ án này không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu của các đương sự:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh P và bà Đặng Thị T sau khi ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đôi bên tiếp tục có tình cảm và chung sống với nhau; đến năm 2021 đôi bên tiến hành kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 10/4/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Thanh P và bà Đặng Thị T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn – ông Lê Thanh P: Hội đồng xét xử nhận thấy các bản khai, biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa án ông P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, đôi bên không còn quan tâm yêu thương nhau, tính tình đôi bên không hòa hợp nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể hàn gắn được, vì vậy ông P cương quyết ly hôn với bà T.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/12/2022, bị đơn – bà Đặng Thị T trình bày: giữa bà và ông P không thể hàn gắn tình cảm, bà đồng ý ly hôn với ông P.

Xét thấy, ông P và bà T đều thống nhất tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị hội đồng xét xử cho ông bà được ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5.2] Về con chung*:* Con chung Lê Đặng Thành P1, sinh ngày 19/6/2004 (đã trưởng thành) và Lê Ngọc B, sinh ngày 25/01/2011 đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2017. Các đương sự trong vụ án này không yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; ngoài ra, trẻ Lê Ngọc B cũng trình bày ý kiến mong muốn tiếp tục ở với mẹ nên Hội đồng xét xử không giải quyết đối với con chung trong quá trình đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01/003 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2003. Riêng đối với quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 10/4/2021 các đương sự khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Lê Thanh P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh P được ly hôn với bà Đặng Thị T

2/ Về con chung: Các đương sự khai không có con chung

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về án phí: Ông Lê Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0019807 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Thanh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. C;
- THADS H. C;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hòa